TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27- 7 - 2017
" V/v tranh chấp xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hành

Ông Nguyễn Văn Mầm

Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "*Xin ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2017/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim B, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thành, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Hồ Minh Đ, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thành, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31.3.2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim B trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đ kết hôn ngày 28.02.2000 nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống, không hợp nhau. Gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là Hồ Như Huỳnh, sinh năm 2001 và Hồ Minh Tăng, sinh năm 2003, hiện đang sống với anh Đ. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu giao hai con cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Đ không có nợ nên không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã thông báo cho anh Đ biết về việc chị B yêu cầu được ly hôn, yêu cầu hai nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung không có nhưng anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị B. Toà án đã thông báo cho anh Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai nhưng anh Đ không đến, do đó Toà án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đối với chị B và anh Đ được. Toà án triệu tập anh Đ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh Đ vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng dân sự*: Chị B có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cái Nước giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Đ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Nước.

[2] *Về hôn nhân*: Chị B và anh Đ kết hôn ngày 28.02.2000 nhưng không có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn của chị B và anh Đ, theo chị B trình bày vợ chồng có mâu thuẫn kéo dài nhiều năm do bất đồng quan điểm sống, đến năm 2011 thì sống ly thân. Phía anh B không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị B. Do chị B và anh Đ không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 35/NQ-QH khóa 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ của chị B và anh Đ là vợ chồng.

[3] *Về con chung*: Chị B và anh Đ có hai con chung là Hồ Như Huỳnh, sinh năm 2001 và Hồ Minh Tăng, sinh năm 2003. Sau khi ly hôn, chị B yêu cầu giao

hai con cho anh Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Phía anh Đ có nộp đơn yêu cầu ngày 15.6.2017 nội dung ý kiến được nuôi hai con chung. Mặt khác, tại biên bản làm việc của Tòa án cháu Huỳnh và cháu Tăng có nguyện vọng sống với anh Đ. Xét anh Đ có đủ điều kiện nuôi dạy con chung và phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Hồ Như Huỳnh và Hồ Minh Tăng cho anh Đ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi hai con chung nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị B xác định chị và anh Đ không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết. Phía anh Đ không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về nợ chung*: Chị B trình bày không có và anh Đ không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Buộc chị B phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 09, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Không công nhận quan hệ giữa chị Huỳnh Thị Kim B và anh Hồ Minh Đ là vợ chồng.

[2] *Về con chung*: Giao cháu Hồ Như Huỳnh, sinh năm 2001 và Hồ Minh Tăng, sinh năm 2003 cho anh Hồ Minh Đ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị Huỳnh Thị Kim B không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Huỳnh Thị Kim B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Huỳnh Thị Kim B phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền chị B dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011154 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Nước, chị B đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Minh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *Chi cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ TRÚC HẰNG